

Số: 10 /2019/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 19 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Xét Tờ trình số 2495/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp, các Đề án/Dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Đề án/Dự án đó.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng, bao gồm:

a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;

b) Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh; ở huyện,



thị xã (sau đây gọi là cấp huyện); công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, bản, làng, tổ dân phố ở phường, thị trấn;

d) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Các đối tượng tại điểm a, b, c khoản này được gọi chung là cán bộ, công chức (CBCC); các đối tượng tại điểm d khoản này gọi chung là viên chức.

Điều 2. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức

1. Mức chi đào tạo CBCC trong nước

a) Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo: Theo hoá đơn của cơ sở đào tạo nơi CBCC được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

b) Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: Theo chứng từ, hóa đơn hợp pháp của cơ sở đào tạo; thủ trưởng đơn vị xem xét quyết định mức chi hỗ trợ phù hợp với nguồn kinh phí hiện có của đơn vị.

c) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung:

- Trong tỉnh: 100.000 đồng/ngày/người (đối với các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước (gọi tắt là NSNN)); 150.000 đồng/ngày/người (đối với các đối tượng không hưởng lương từ NSNN);

- Ngoài tỉnh: 150.000 đồng/ngày/người (đối với các đối tượng hưởng lương từ NSNN); 200.000 đồng/ngày/người (đối với các đối tượng không hưởng lương từ NSNN).

d) Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết):

Nếu tự túc bằng phương tiện cá nhân: Tùy vào khả năng nguồn kinh phí, thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi không vượt quá mức chi theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định các mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Viết tắt là Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND) hoặc theo giá vé phương tiện vận chuyển công cộng.

đ) Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo cách đơn vị công tác từ 10km trở lên và cơ sở đào tạo, đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ):

- Trong tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;

- Ngoài tỉnh: 250.000 đồng/người/ngày.

e) Cán bộ, công chức là nữ; là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc được hỗ trợ thêm 10% mức chi hỗ trợ tiền ăn quy định tại điểm c khoản này (đối với CBCC là nữ, đồng thời là người dân tộc thiểu số chỉ được hỗ trợ thêm 10% mức chi hỗ trợ tiền ăn quy định tại điểm c khoản này); kinh phí hỗ trợ trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức.

2. Mức chi bồi dưỡng CBCC trong nước

a) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án, bài giảng) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học):

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; Giáo sư; Giảng viên cao cấp; Chuyên viên cao cấp; Chuyên gia cao cấp; Tiến sỹ khoa học: 1.800.000 đồng/người/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là Phó chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư; Tiến sỹ; Giảng viên chính: 1.600.000 đồng/người/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ; Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng; Lãnh đạo cấp Sở; Lãnh đạo cấp huyện và các chức danh tương đương: 1.400.000 đồng/người/buổi;

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức còn lại: 1.000.000 đồng/người/buổi;

Đối với giảng viên, báo cáo viên vừa có chức danh vừa có học hàm, học vị thì được hưởng mức thù lao cao nhất trong các chức danh; học hàm, học vị nêu trên.

b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên: Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng CBCC quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên: Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND.

d) Chi nước uống phục vụ lớp học: Mức chi tối đa không quá 5.000 đồng/người/buổi.



đ) Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: Cơ sở đào tạo được quyết định chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc theo mức: 200.000 đồng/học viên.

e) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng cách đơn vị công tác từ 10km trở lên và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): Theo điểm c, d, đ khoản 1 Điều này.

g) Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế:

- Hỗ trợ phương tiện đưa đón (thanh toán theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp).

- Hỗ trợ một phần tiền ăn và tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Theo điểm c và điểm đ khoản 1 Điều này.

h) Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi:

Áp dụng mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi tại Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định về nội dung, các mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông và các kỳ thi khác trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn của ngành giáo dục tại tỉnh Đắk Nông.

Riêng đối với công tác ra đề thi, coi thi, chấm thi tại các Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị cấp huyện áp dụng theo Quyết định số 1853-QĐ/BTGTW ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc ban hành quy chế giảng dạy và học tập của Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

3. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; căn cứ mức chi đào tạo, bồi dưỡng CBCC quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.

4. Các nội dung, mức chi khác

Ngoài các mức chi quy định tại Nghị quyết này, các nội dung, mức chi khác thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, thì khuyến khích vận dụng thực hiện chế độ chi tiêu quy định tại Nghị quyết này

nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp cần có mức chi cao hơn thì cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng quyết định phù hợp khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng đang tổ chức, đối tượng đang được cử đào tạo, bồi dưỡng thì căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế tại thời điểm Nghị quyết có hiệu lực để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

Hướng dẫn cụ thể các chức danh tương đương quy định tại điểm a khoản 2 điều 2 của Nghị quyết này; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh hằng năm, bố trí kinh phí thực hiện và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

5. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài Chính;
- Ban Công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ Lịch sử thuộc Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TH, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Diễn